

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN  
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ  
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

**Tên viết tắt:** LAWACO

**Địa chỉ trụ sở chính:** 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An

**Điện thoại:** 072.3825.114

**Fax:** 072.3826.040

**Website:** www.lawaco.com.vn

**Người được ủy quyền CBTT:** Võ Minh Thái

**Chức danh:** Trưởng Ban kiểm soát

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ     24h     72h     Theo yêu cầu     Khác

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên 2019

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/03/2020 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

*Long An, ngày 10 tháng 03 năm 2020*

**Người được Ủy quyền Công bố thông tin**

*(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)*



**Võ Minh Thái**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

*Long An, ngày 9 tháng 03 năm 2020*

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**
- Giấy CNĐKDN:số **1100101500** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày **12/07/2007**, đăng ký thay đổi lần **5** ngày **30/6/2016**.
- Vốn điều lệ: **122.000.000.000** đồng(Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **73.200.000.000** (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm triệu đồng )
- Địa chỉ: **250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An**
- Số điện thoại: **072.3825.114**
- Số Fax: **072.3826.040**
- Website: **www.lawaco.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **LAW**

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

<b>1956</b>	Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An.Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại TânAn, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung Cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
<b>1979</b>	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m3/ngày đêm.
<b>1992</b>	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.
<b>2007</b>	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việcchuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ

	<p>Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh</p>
2009	<p>Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.</p>
2013	<p>Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thành công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).</p>
2015	<p>Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng.</p> <p>Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.</p> <p>Ngày 26/11/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số: 787/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Long An</p>
2016	<p>Ngày 30/06/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 với mức Vốn điều lệ</p>

1100  
 CT  
 CTCP  
 TP.

122 tỷ đồng.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và phân tích các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước	7120
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh)	7490
3	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước	7410
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; Thi công hệ thống cấp thoát nước	4290
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4669
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai	104 (chính)
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước	4663
8	Dịch vụ khoan giếng	<b>Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</b>

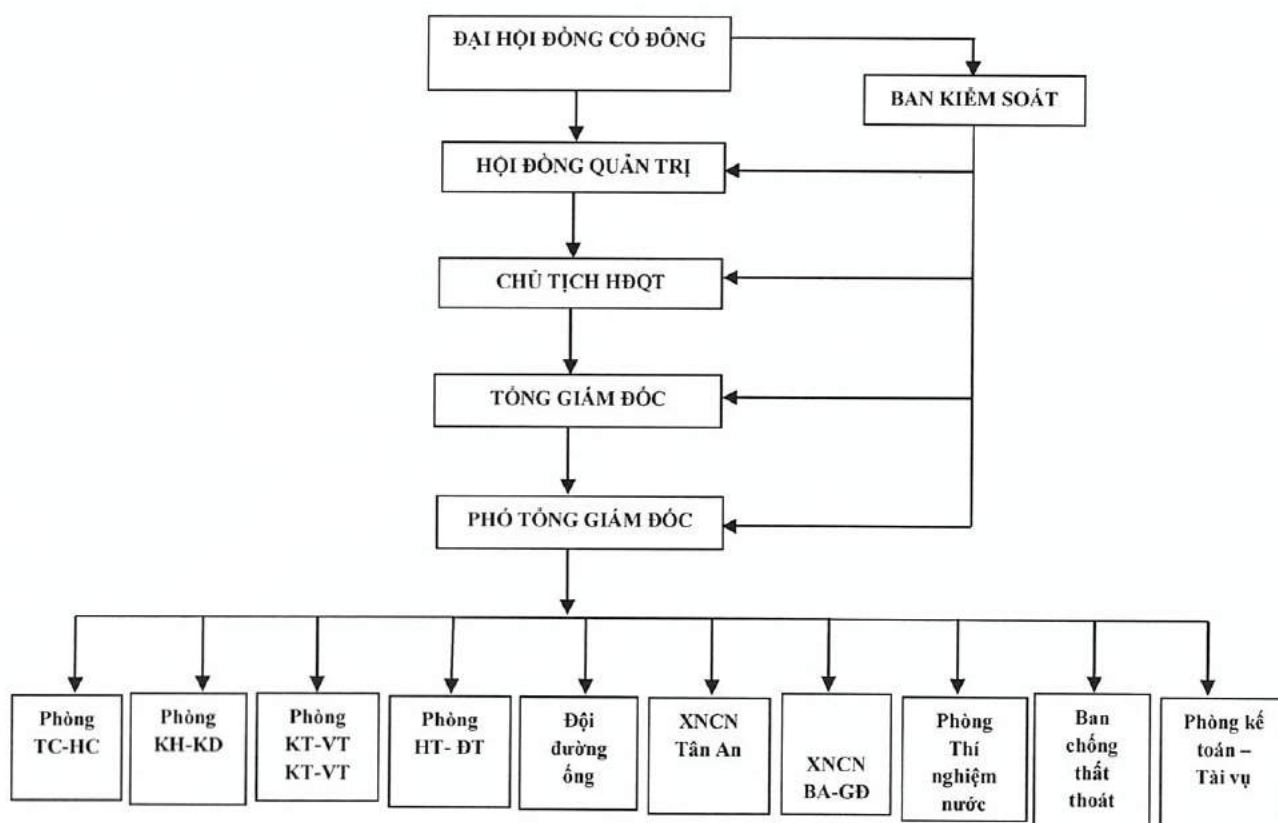
- **Địa bàn kinh doanh:** TPTân An, huyện Thủ Thừa, huyện Bến Lức, huyện Tân Trụ xã Bình Tâm, xã Hương Thọ hú, xã An Vĩnh Ngãi, huyện Cần Đước, một phần của huyện Châu Thành và một số vùng lân cận.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

##### \* Mô hình quản trị Công ty:

- Đại hội Đồng Cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Chủ tịch HĐQT người đại diện theo pháp luật

##### \* Cơ cấu bộ máy quản lý



#### 5. Định hướng phát triển Công ty:

##### - Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ *Nâng cao hiệu quả quản lý:* Công ty áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001; 2015, hoàn thiện và luôn cập nhật những quy trình sản xuất, quy định về lề lối làm việc, định mức, chế độ trách nhiệm...

+ *Hoàn thiện công nghệ, kỹ thuật và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu:*

Với đặc thù là Công ty cung cấp nước sạch và các sản phẩm, dịch vụ cho việc cung cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt trên địa phận Long An,

Ngày 24/10/2018, Văn phòng Công nhận chất lượng Bộ khoa học và công nghệ ra Quyết định số: 537.2018/QĐ-VPCNCL về việc công nhận Phòng Thí nghiệm nước thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (LAWACO) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005, phòng Thí nghiệm được mang số hiệu: VILAS 1159.

Công ty có bộ phận chuyên kiểm tra về chất lượng nước và chất lượng đường dẫn, không ngừng nghiêm cứu, cập nhật trình độ công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận.

+ *Nguồn lực đáp ứng đủ yêu cầu phát triển Công ty:*

Phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, sự phối hợp giữa Ban điều hành và các đoàn thể chính trị xã hội cơ sở chăm lo, tạo mọi điều kiện để người lao động làm việc thuận lợi, cống hiến và phát huy sức sáng tạo, tài năng của mình vì sự nghiệp phát triển Công ty.

#### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Song song với công tác phát triển khách hàng ở những khu vực hiện hữu, Công ty đầu tư phát triển tuyến ống tại địa bàn mới như xã Bình Tâm, xã Hương Thọ hú, xã An Vĩnh Ngãi, huyện Cần Đức, Tân Trụ, và một phần của huyện Châu Thành.

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành cấp nước tại Long An và khu vực, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về sản phẩm nước sạch chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ để Công ty hoạt động đúng pháp luật, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý thông qua việc áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001-2015.

#### **- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty)**

- Giữ môi trường sản xuất sạch và xanh phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường.
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh trong sản xuất và kinh doanh.
- Tích cực tham gia các chương trình chăm lo đời sống cộng đồng, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

### **6. Các rủi ro:**

#### **6.1. Rủi ro kinh tế**

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Long An quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian, từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, làm giảm tính



linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Cũng như các Doanh nghiệp khác hoạt động sản xuất trong ngành hàng tiêu dùng, sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của LAWACO.

### **6.2. Rủi ro đặc thù**

Với đặc thù là đơn vị sản xuất cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Doanh nghiệp phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người sử dụng.

Với công cụ sản xuất là hệ thống sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống này, trong khi chi phí của việc này là không nhỏ, phụ thuộc rất lớn vào thị trường nguyên vật liệu, đây cũng là một rủi ro mà doanh nghiệp gặp phải.

### **6.3. Rủi ro về môi trường**

Do tình hình ô nhiễm môi trường và xâm nhập mặn hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp, nếu xảy ra tình trạng ô nhiễm nguồn nước gây ảnh hưởng chất lượng nước cung cấp hoặc ngưng cung cấp nước. Việc này sẽ ảnh hưởng tới đời sống của người dân và tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội...

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2019.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>% so kế hoạch</b>
* Doanh thu	1.000.000đ	165,000	167,747	1,67%
- Nước	1.000.000đ	155,616	155,523	- 0,06%
- Đường ống	1.000.000đ	9,384	11,438	21,89%
- Xét nghiệm nước	1.000.000đ	-	786	100%

*Lợi nhuận trước thuế	1.000.000đ	27,000	29,077	7,69%
-----------------------	------------	--------	--------	-------

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách ban điều hành:

**- Họ và tên: Phạm Quốc Thắng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật.**

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Số lượng cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38%VDL

**- Họ và tên: Võ Trung Cang – Chức vụ: Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 14/03/1962

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Ấp 1 Xã Bình Tâm, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22% VDL.

50  
3 T  
PHÍ  
OẠT  
NG  
AN



**- Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CMND: 300845695 ngày cấp 14/06/2006 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5b Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phiếu, chiếm 0,01% VDL

**- Họ và tên: Nguyễn Quốc Phong – Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1977

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.121

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

- Những thay đổi trong ban điều hành: (không có)

- Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Thời điểm 31/12/2019	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	146	100,00
1	<b>Trình độ đại học và sau đại học</b>	<b>45</b>	<b>30,8</b>
2	<b>Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp</b>	<b>32</b>	<b>21,9</b>

<b>3</b>	<b>Trình độ khác</b>	<b>69</b>	<b>47</b>
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	146	100,00
<b>1</b>	<b>Hợp đồng không thời hạn</b>	<b>133</b>	<b>91</b>
<b>2</b>	<b>Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ</b>	<b>1</b>	<b>0,7</b>
<b>3</b>	<b>Hợp đồng có thời hạn</b>	<b>12</b>	<b>8,2</b>

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a) Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty áp dụng hệ thống nhóm, bảng lương theo công việc mà công ty xây dựng cho từng chức danh công việc phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

b) Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty có cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo chuyên đề do Hội cấp nước Việt Nam, Hội cấp nước Miền Nam tổ chức để nâng cao trình độ, tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

c) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thai sản, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho toàn thể nhân viên. Công ty mua Bảo hiểm con người 24/24 giờ cho toàn thể NLĐ trong Công ty với mức 10.000.000đ/người/năm.

- Hàng năm Công ty có tổ chức cho toàn thể người lao động đi tham quan, nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB. CNV người lao động trong toàn Công ty.

- Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức
<b>1</b>	<b>2017</b>	<b>6,2%</b>	<b>Trả bằng tiền</b>
<b>2</b>	<b>2018</b>	<b>7,86%</b>	<b>Trả bằng tiền</b>
<b>3</b>	<b>2019</b>	<b>Dự kiến 12,69%</b>	<b>Trả bằng tiền</b>

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư tuyến ống cấp nước Hương lộ 25, Đường Hùng Vương (bên phải tuyến từ Cổng Bảo Định đến Nguyễn Đình Chiểu), P1, TP TA, Đường Châu Thị Kim (đoạn từ ranh Phường 7 đến UBND xã An Vĩnh Ngãi, tuyến tránh QL 1A (bên phải tuyến đoạn từ QL 62 đến mũi tàu), tuyến ống cấp nước trong các đường, hẻm theo đề nghị của người dân trong khu vực TPTA, tuyến ống phân phối dọc ĐT 830B (đoạn từ trạm biến áp 110/22 kv Rạch Chanh đến ĐT 833B)

- Đầu tư mua sắm;

+ Hệ thống máy ép bùn Nhà máy nước Bình Ảnh, máy phát điện, máy biến tần, van bướm và van cổng cho XNCN BA- GD, thiết bị dò tìm rò rỉ và giám sát tự động mạng lưới tuyến ống cấp nước dạng lắp đặt thường xuyên, thiết bị phục vụ cho hoạt động của Phòng thí nghiệm nước, đồng hồ điện từ đo lưu lượng nước dự phòng cho XNCN BA-GD.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa lớn:

+ Đường Nguyễn Cửu Vân (bên phải tuyến đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Võ Văn Môn), đường Quốc lộ 62 (bên phải tuyến đoạn từ QL1A đến đường Nguyễn Thị Bảy), đường Hùng Vương (bên trái tuyến đoạn từ đường QL1A đến vincom Long An), ngăn lọc của bể lọc thô thuộc cụm xử lý của NMCN Bình Ảnh.

- **Đầu tư mở rộng:**

+ Tuyến ống cấp nước sạch bổ sung cho KCN Thuận Đạo mở rộng, xã Long Định, tuyến ống đường tỉnh lộ 827A đoạn từ cục thi hành án dân sự đến ranh đường vành đai, lắp đặt ống chờ băng đường Hùng Vương nối dài, băng đường Nguyễn An Ninh, băng đường Châu Thị Kim, đường Lê Hữu Nghĩa, tuyến tránh đoạn từ BHXH đến QL62, đường Đỗ Trinh Thoại, đường Huỳnh Ngọc Mai xã Hướng Thọ Phú TPTA, đường Võ Tấn Đồ, đường Nguyễn Thị Lê và các hẻm trong TPTA ..v.v...

b. Các công ty con, công ty liên kết: (không có)

#### 4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	288.860	307.497	+ 6,45%
Doanh thu thuần	147.925	167.747	+13,40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.667	28.485	-12,80%
Lợi nhuận khác	298	591	+98,32%

Lợi nhuận trước thuế	32.965	29.077	-11,79%
Lợi nhuận sau thuế	26.788	25.860	-3,46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40%	60%	+ 50%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,8	0,5	- 37,5%
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,44%	0,17	-0,61%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,45	0,47	+4,44%
+ Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,83	0,88	+ 6,02%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	4,67	4,89	+4,71%
+ Doanh thu thuần/Tổng TS	0,51	0,55	+7,84%
Các chỉ tiêu sinh lời:			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	0,18	0,15	-16,67%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,17	0,16	-5,9%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế /tổng tài sản	0,09	0,08	-11,11%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,22	0,17	-22,73%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

13/11/2019

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm ngàn)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	131	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>129</b>	<b>347.560</b>	<b>3.475.600.000</b>	<b>2,85%</b>
2	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>02</b>			
	UBND tỉnh Long An		7.320.000	73.200.000.000	60%
	Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP		4.532.440	4.532.440.000	37,15%
II	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
1	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
2	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
Tổng cộng		131	12.200.000	122.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các loại chứng khoán khác: không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguồn khai thác nước ngầm (nước thô) 22.502.679 m<sup>3</sup>

Nguồn nước mặt (tiếp nhận) 3.784.406 m<sup>3</sup>

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Sản phẩm nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An được sản xuất từ nguồn nước ngầm thô như: Clo lỏng, vôi đều sử dụng trực tiếp không qua tái chế

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là trực tiếp như: Điện

- Năng lượng điện dùng cho Sản xuất nước sạch: 8.338.865 KW/năm

- Năng lượng điện dùng gián tiếp cho văn phòng: 70.154 KW/năm

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã lắp đặt biến tần cho một số trạm bơm nước để sử dụng năng lượng có hiệu quả và hợp lý hơn;

- Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời (solar) tại trạm cấp nước Lợi Bình Nhơn:

+ Số liệu điện năng solar phát ra trong 01 tháng khoảng 3.255kw tương ứng với số tiền là: 4,6 triệu đồng/tháng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

### *6.3. Tiêu thụ nước*

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Do đặc thù của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch nên nguồn sử dụng nước của Công ty chủ yếu là nước ngầm

- Nguồn khai thác nước ngầm 22.502.679m<sup>3</sup> ;

- Lượng nước ghi thu: 18.750.250 m<sup>3</sup>

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty đã đầu tư hệ thống thu hồi nước sau rửa lọc thành nước cấp cho XNCN Bình Ảnh, 1 tháng thu hồi được 213.392 m<sup>3</sup> đạt 15% lượng nước toàn Công ty phát ra trong 01 tháng.

### *6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

### *6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:*

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 146 người, mức lương trung bình: 12 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:



Hàng năm Công ty có tổ chức cho CB CNV đi tham quan du lịch một lần và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Theo nhu cầu cụ thể của các phòng, ban, xí nghiệp trong công ty

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý v.v...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào lũ lụt, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn đứng chân v.v...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
* Doanh thu	1.000.000đ	165.000	167.747	1,67%
- Nước	1.000.000đ	155.616	155.523	- 0,06%
- Đường ống	1.000.000đ	9.384	11.438	21,89%
- Xét nghiệm nước	1.000.000đ	-	786	100%
*Lợi nhuận trước thuế	1.000.000đ	27.000	29.077	7,69%

#### 2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản dài hạn:

+ Tỷ lệ % tài sản dài hạn cuối kỳ tăng 12,06% so với tài sản dài hạn đầu kỳ. Công ty đã tận dụng nhiều nguồn vốn để phục vụ cho SXKD. Trong năm đầu tư XD CB hoàn thành đưa vào sử dụng và mua sắm mới TSCĐ hơn 49 tỷ đồng, chi phí XD dở dang hơn

10/10/2024

2,96 tỷ đồng, sửa chữa lớn TSCĐ 18,514 tỷ đồng. TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 46,958 tỷ đồng. Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 01/01/2019 và ngày 31/12/2019 lần lượt là 231,422 tỷ đồng; 253,652 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ % tài sản ngắn hạn cuối kỳ giảm so với tỷ lệ % tài sản ngắn hạn đầu kỳ 23,20%, nguyên nhân: Trong năm Công ty đã tạo ra khối lượng tài sản rất lớn nhằm phục vụ cho hoạt động SXKD, cho nên cần phải tận dụng mọi nguồn lực để đảm bảo trong thanh khoản cũng như hoạt động sản xuất. Vì vậy tỷ lệ % của tài sản ngắn hạn cuối kỳ sẽ giảm hơn rất nhiều so với tỷ lệ tài sản ngắn hạn đầu kỳ.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tỷ lệ % nợ phải trả cuối kỳ tăng 10,31% nợ phải trả đầu kỳ do:

+ Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn cuối kỳ tăng so với đầu kỳ, gồm:

\* Phải trả cho người bán ngắn hạn gồm các khoản vật tư, thi công công trình chưa tới hạn trả tăng 20 tỷ 317 triệu đồng

\* Người mua trả tiền trước tăng 634 triệu đồng

\* Các khoản phải nộp Nhà nước chưa tới hạn nộp tăng 1 tỷ 096 triệu đồng

\* Phải trả ngắn hạn khác tăng 7 tỷ 593 triệu đồng

\* Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng: 396 triệu đồng

+ Các khoản phải trả dài hạn cuối kỳ giảm 14,23% so với đầu kỳ, gồm:

\* Vay và nợ dài hạn giảm: 10 tỷ 880 triệu đồng

+ Vốn chủ sở hữu tăng 3,26% trong đó: Quỹ đầu tư phát triển tăng 5 tỷ 161 triệu đồng

Trong năm 2019 Công ty đã trả nợ vay dài hạn các năm trước khi đến hạn hơn 10 tỷ đồng. Số liệu báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty kiểm toán Vaco phân tích, các khoản nợ phải trả của Công ty đều trong tầm kiểm soát có khả năng thanh toán và không có phát sinh nợ xấu.

- **Chỉ tiêu thanh toán:** Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ổn định rất khả quan, bảo đảm khả năng trả nợ của Công ty khi đến hạn.

- **Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:**

Công ty đã tập trung toàn bộ nguồn lực về vốn và tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản cố định được sử dụng và khai thác triệt để. Các khoản nợ, vật tư và tài sản khác quản lý theo quy định của nhà nước, quy chế, quy định của Công ty.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất kỹ thuật, chất lượng sản phẩm vì đây là một trong những yếu tố sống còn của Doanh nghiệp.

501  
T  
H  
I  
H  
I  
N  
G  
A  
N



- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tiếp tục giảm tiêu hao vật tư, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.

- Đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, kiến thức đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc hiện có. Thay đổi hợp lý chế độ trả lương để nó thực sự trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Với thế mạnh trong ngành sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng, LAWACO sẽ vẫn tiếp tục phát huy tiềm lực sẵn có bên cạnh mở rộng thêm một số lĩnh vực khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm và phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể:

Duy trì ổn định lượng khách hàng tại địa phương Tỉnh Long An...

Mở rộng thêm một số khu vực địa phương lân cận (Tiền Giang, một phần TP.HCM...)

Tăng cường đầu tư vào việc phát triển khách hàng sản xuất, trong đó tập trung tại các khu công nghiệp đang có chiều hướng mở rộng tại tỉnh Long An.

Đầu tư thêm cho lĩnh vực cung cấp nước uống tinh khiết.

Song song với cải tiến công tác quản lý, LAWACO cũng sẽ ra sức tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và công tác cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ((không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất năm 2019 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua, các chỉ tiêu của UBND tỉnh Long An giao cho công ty thực hiện, công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh nước sạch, thi công lắp đặt các công trình cấp nước. Kết quả thể hiện ở bảng số liệu sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
* Doanh thu	1000000đ	165.000	167.747	1,67%
- Nước	1.000.000đ	155.616	155.523	- 0,06%
- Đường ống	1.000.000đ	9.384	11.438	21,89%
- Xét nghiệm nước	1.000.000đ	-	786	100%
*Lợi nhuận trước thuế	1.000.000đ	27.000	29.077	7,69%

Công ty hoạt động ổn định, đảm bảo cấp nước liên tục, chất lượng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Bên cạnh kết quả về sản xuất kinh doanh đạt được, công ty nói riêng và ngành nước nói chung đang đứng trước những thách thức, khó khăn về số lượng và chất lượng nước nguồn. Nhất là hiện nay công ty đang khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:**

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều hành công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty.

Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

Ban điều hành thực hiện họp giao ban 2 lần/ tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Các thành viên trong Ban điều hành hoàn thành chức trách, nhiệm vụ theo sự phân công, có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đầu tư tài chính vào lĩnh vực an toàn, ổn định.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân lành nghề. Đảm bảo đời sống, thu nhập, việc làm cho người lao động. Tăng sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

#### 4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019: (đính kèm phụ lục số III)

##### V. Quản trị Công ty:

##### 1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành
2	Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
3	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
4	Ngô Đức Vũ	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Lê Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành (hết nhiệm kỳ từ 26/4/2019)
6	Lều Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Phạm Quốc Thắng

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962

Giới tính: Nam

Số CMND: 300394695 cấp ngày 15 tháng 02 năm 2006 – Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

101  
 CÔNG  
 CẤP  
 1/11/2019

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1985 – 1993	Xí nghiệp khảo sát thiết kế xây dựng	Đội trưởng
1994 – 2006	Công ty Cấp nước Long An	Phó phòng Kỹ thuật – Vật tư
2006 – 2008	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2008 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó Giám đốc
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Chủ tịch kiêm Giám đốc
2013 - 2015	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2015 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Bí thư Đảng ủy cơ sở
7/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Trương Thị Thu Hương	Vợ	1.482	0,01%

**- Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: Võ Trung Cang

Ngày tháng năm sinh: 14/03/1962

Giới tính: Nam

Số CMND: 301021668 Cấp ngày 02 tháng 01 năm 2013 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Giồng Trôm, Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Ấp 12 Xã Bình Tâm, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982 – 1991	Xí nghiệp Cấp nước Long An	Tổ trưởng – Đội phó
1991 – 2008	Công ty Cấp nước Long An	Đội trưởng nhà máy
2008 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Giám đốc Xí nghiệp CNTA
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó Giám đốc Công ty
2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
7/2016 đến nay	Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%

VDL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không

**- Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CMND: 300845695 ngày cấp 14/06/2006 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Phó bí thư Đảng bộ cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 – 2007	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
2007 – 2011	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2011 – 2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2013 đến	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng

6/2016	An	phòng Hợp tác – Đầu tư
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở
7/2016 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

**- Thành viên Hội đồng quản trị:**

Họ và tên: Ngô Đức Vũ

Sinh ngày: 20/07/1976

Quê quán: Bắc Giang

Thường trú: Phòng P1.15-16, Park1, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, Quận Bình Thạnh, TP HCM

Trình độ: Đại học

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

+ Phó chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;

+ Thành viên HĐQT – Công ty nhựa Tân Phú;

+ Phó tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP;

+ Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh;

+ Thành viên HĐQT- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

**- Thành viên Hội đồng quản trị:**

Họ và tên: Lều Mạnh Huy

Sinh ngày: 15/04/1985

Quê quán: Hưng Yên

Thường trú: Liên Phương, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên

Trình độ: Đại học

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

+ Giám đốc điều hành – công ty cổ phần cấp thoát nước DNP Tiền Giang;

+ Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần cấp thoát nước Tây Ninh;

+ Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần công trình đô thị Châu Thành;

+ thành viên HĐQT – Công ty cổ phần nhà máy nước Đồng Tâm.

*b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:*



Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An:

+ Thành viên của Ban:

- |                           |                            |
|---------------------------|----------------------------|
| 01. Ông Phạm Quốc Thắng   | Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban; |
| 02. Ông Nguyễn Bảo Tùng   | Phó TGD, Phó trưởng ban;   |
| 03. Ông Nguyễn Quốc Phong | Kế toán trưởng, KTT ban;   |
| 04. Ông Trần Thanh Phúc   | TP. HT – ĐT, thành viên;   |
| 05. Ông Lưu Văn Cần       | PP. KT-VT, thành viên;     |
| 06. Bà Trần Vân Anh       | PTP. HT- ĐT, thành viên;   |
| 07. Ông Lê Thanh Hải      | NV.PHT- ĐT, thành viên.    |

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung
01	36A /NQC-N-HĐQT	03/01/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 30A, NK (2013- 2019) V/v: Thống nhất thông qua phương án xử lý hệ thống giếng khoan khai thác của nhà máy cấp nước Tân An, Bình Ảnh, Gò Đen.
02	37/NQC-N - HĐQT	22/03/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 30, NK (2013- 2019) V/v: Thống nhất cho triển khai hạng mục 1: tuyến ống cấp 2 đường tỉnh lộ 830B (từ cầu Rạch Chanh đến đường tỉnh lộ 833B) thuộc dự án: tuyến ống cấp 2 tiếp nhận nguồn nước từ nhà máy nước Nhị Thành cấp cho khu vực huyện Bến Lức, Cần Đước và đầu tư thành 3 giai đoạn với mục đích đảm bảo tiến độ nhanh hiệu quả
03	39/NQ. HĐQT-CN	29/03/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 31, NK (2013- 2019) V/v: thống nhất thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
04	40/NQC-N - HĐQT	02/04/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 32, NK (2013-2019): V/v Thông qua nội dung báo cáo kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng: tuyến ống cấp 2 tiếp nhận nguồn

010  
 020  
 030  
 040  
 050  
 060  
 070  
 080  
 090  
 100  
 110  
 120  
 130  
 140  
 150  
 160  
 170  
 180  
 190  
 200  
 210  
 220  
 230  
 240  
 250  
 260  
 270  
 280  
 290  
 300  
 310  
 320  
 330  
 340  
 350  
 360  
 370  
 380  
 390  
 400  
 410  
 420  
 430  
 440  
 450  
 460  
 470  
 480  
 490  
 500  
 510  
 520  
 530  
 540  
 550  
 560  
 570  
 580  
 590  
 600  
 610  
 620  
 630  
 640  
 650  
 660  
 670  
 680  
 690  
 700  
 710  
 720  
 730  
 740  
 750  
 760  
 770  
 780  
 790  
 800  
 810  
 820  
 830  
 840  
 850  
 860  
 870  
 880  
 890  
 900  
 910  
 920  
 930  
 940  
 950  
 960  
 970  
 980  
 990

			nước từ nhà máy nước Nhi Thành cấp cho khu vực huyện Bến Lức, Cần Đức do tổ thẩm định dự án đầu tư xây dựng lập ngày 20/12/2018
05	05/NQCN-HĐQT	09/05/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 2, NK (2019-2024), V/v thống nhất thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018 và Quy chế chi tiêu nội bộ 2019
06	08/NQCN - HĐQT	20/05/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 3, NK (2019-2024), V/v nhất trí thông qua điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2018
07	10/NQCN-HĐQT	22/07/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 4, NK (2019-2024), V/v nhất trí thông qua: + Danh mục công trình bổ sung mang tính cấp bách ngoài kế hoạch ĐTXDCB năm 2019; + Danh mục điều chỉnh giảm một số công trình sử dụng vốn Công ty trong kế hoạch ĐTXDCB năm 2019; + Chuyển giao dự án tuyến ống Cấp 2 tiếp nhận nguồn nước từ nhà máy nước Nhi Thành cấp cho khu vực huyện Bến Lức, Cần Đức cho Công ty Cổ phần Cầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An; + Đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời cho nhà máy cấp nước Tân An; + Thống nhất kết quả hoạt động SX-KD 06 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2019
08	12/NQCN - HĐQT	31/12/2019	Nghị quyết HĐQT kỳ họp thứ 5, NK (2019-2024), V/v thống nhất thông qua: + Kết quả SX-KD năm 2019 và kế hoạch SX-KD, XDCB năm 2020; + Hướng giải quyết dòng tiền cho năm 2020.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành thuộc lĩnh vực được phân công.

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An trong năm đã quản lý hồ sơ và giám sát chất lượng công trình như:

506  
G T  
PH  
HOẠT  
ONG  
H A N



- Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D250, D63 tinh lộ 830C& tinh lộ 830D xã Thanh Phú và xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tuyến ống phân phối dọc ĐT 830B (đoạn từ trạm biến áp 110/22 kv Rạch Chanh đến ĐT 833B).v.v.v...

**f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:**

- Phạm Quốc Thắng – Chủ tịch HĐQT;
- Nguyễn Bảo Tùng – Thành viên HĐQT.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: (không có)

**2. Ban Kiểm soát:**

*a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:*

STT	Họ tên	Chức danh
1	Võ Minh Thái	Trưởng BKS
2	Trương Thị Lê Khanh	Thành viên BKS
3	Phan Thùy Giang	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

**- Trưởng Ban Kiểm soát**

- Họ và tên: Võ Minh Thái
- Ngày tháng năm sinh: 1963
- Giới tính: Nam
- Nơi Sinh: Châu Thành, Long An
- Số CMND: 300310498 ngày cấp 02/01/2020 Công an Long An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Châu Thành, Long An
- Địa chỉ thường trú: 18 Nguyễn Thanh Cần, P2, TP. Tân An, Long An
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

CÔNG TY  
 NƯỚC  
 AN  
 T.Á

1980 – 1993	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
1994 – 2005	Công ty phát triển và kinh doanh nhà Cửu Long	Nhân viên
2006 – 2010	Công ty cổ phần Vận tải Long An	Nhân viên
2011 đến nay	Xí nghiệp cấp nước Tân An – Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên kế toán
2013 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu: 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

**- Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Trương Thị Lệ Khanh

- Ngày tháng năm sinh: 19/10/1974

- Giới tính: Nữ

- Số CMND: 301735701 ngày cấp 26/07/2016 - Công An Long An

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Quê quán: Bắc Giang

- Địa chỉ thường trú: 32B Lê Thị Điền, Phường 3, TPTA, Long An.

- Số điện thoại liên lạc: 0272.3825.114

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.900 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Nhân viên
2013- 2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên ban kiểm soát



**- Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Phan Thùy Giang
- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1979
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 013024059 ngày cấp 19/11/2007–Nơi cấp Công an Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0978331166
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 2909 V3, Khu Homecity, Tổ 45 phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ;
- + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ 2;
- + Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định. Ban kiểm soát tổ chức kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trên cơ sở báo cáo tài chính đã lập hàng quý, năm nhằm thẩm định, đánh giá lại mức độ chính xác, tính cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo cho Hội đồng quản trị.

Hiện tại Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An chỉ có Trưởng ban làm chuyên trách, các thành viên còn lại kiêm nhiệm, cho nên việc kiểm tra đa phần là chuyên trách giám sát. Việc tổ chức họp của Ban được diễn ra không thường xuyên mà chỉ định kỳ 02 lần/năm theo quy định. Nội dung các cuộc họp trao đổi lẫn nhau trong quá trình kiểm tra, giám sát, đề xuất ý kiến của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích thành viên HĐQT, BKS:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tổng lương, thưởng thù lao năm 2018	Ghi chú
01	Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT	560.098.105	Điều hành
02	Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	506.053.720	Điều hành
03	Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	494.053.720	Điều hành
04	Ngô Đức Vũ	Thành viên HĐQT	36.000.000	
05	Lều Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	27.000.000	Tham gia nhiệm kỳ mới từ 26/4/2019
06	Võ Minh Thái	Trưởng BKS	447.770.840	
07	Phan Thùy Giang	Thành viên BKS	24.000.000	
08	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	242.854.324	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không có)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản trị Công ty và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt vào công tác quản trị Công ty trong tương lai. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực quản trị của các cán bộ quản lý thông qua việc cử đi học lớp học về quản trị Công ty do Trung tâm đào tạo chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

## VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm) *medy*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



**Phạm Quốc Thắng**



**Phụ lục số III**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 14/BC- HĐQT

Long An, ngày 9 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
(năm 2019)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
- Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An
- Điện thoại: 072.3825.114 Fax: 072.3826.040
- Email: info@lawaco.com.vn
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: LAW

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:**

STT	Số nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-ĐHĐCĐ	26/04/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2019):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch	26/9/2013	08	100%	
02	Ông Võ Trung Cang	Thành viên	26/9/2013	08	100%	
03	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên	26/9/2013	08	100%	
04	Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	23/4/2018	08	100%	
05	Ông Lê Tuấn	Thành viên	23/4/2018	04	50%	Hết nhiệm kỳ từ 26/4/2019

06	Lều Mạnh Huy	Thành viên	26/4/2019	04	50%	Bắt đầu nhiệm kỳ mới 26/4/2019
----	--------------	------------	-----------	----	-----	--------------------------------

## 2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban tổng giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.

- Đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị, điều hành mọi hoạt động SX – KD, công tác đầu tư với những biện pháp hữu hiệu.

## 3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An trong năm đã quản lý hồ sơ và giám sát chất lượng công trình như:

- Tuyển ống cấp nước sạch HDPE D250, D63 tinh lộ 830C& tinh lộ 830D xã Thanh Phú và xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tuyến ống phân phối dọc ĐT 830B (đoạn từ trạm biến áp 110/22 kv Rạch Chanh đến ĐT 833B) ..v.v....

## III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2019)

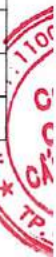
### 1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Võ Minh Thái	Trưởng ban	26/9/2013	02	100%	
02	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên	23/4/2018	02	100%	
03	Phan Thùy Giang	Thành viên	23/4/2018	02	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:

- Giám sát Hội đồng quản trị:  
 - Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, quý, năm theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm .

- Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng



thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động và đầu tư của Công ty như : Đầu tư dự án cấp nước và phát triển tuyến ống, đầu tư và mở rộng mạng lưới cấp nước thành phố Tân An, Thủ Thừa, Bến Lức, Tân Trụ, Cần Đước các khu công nghiệp và các huyện lân cận, sửa chữa, cải tạo mạng lưới đường ống nâng công suất các giếng.

**- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông;**

- Giám sát Ban điều hành:

- Trên cơ sở Nghị quyết HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội cổ đông thông qua. Ban điều hành cùng với bộ phận nghiệp vụ Công ty đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thu nhập bình quân của người lao động, đạt và vượt mức tăng trưởng so với năm 2018. Ban điều hành cũng chỉ đạo Công ty thực hiện tốt trong công tác đấu thầu các công trình XDCB nhằm mở rộng, sửa chữa mạng lưới cấp nước cho Công Ty.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Tổng số cán bộ công nhân viên toàn Công ty đến ngày 31/12/2019 là 146 người trong đó có 12 hợp đồng lao động theo công việc, giảm 02 nhân sự so với năm 2018 (do 1 số cán bộ, nhân viên nghỉ hưu theo chế độ). Theo kế hoạch và nhiệm vụ sản xuất trong năm đã đề ra thì lực lượng lao động trên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý điều hành của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

#### **IV. Đào tạo về quản trị công ty:**

Theo nhu cầu cụ thể của của HĐQT, BKS và Ban điều hành

**V. Danh sách về người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (báo cáo năm 2019) và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty:**

#### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản	Chức vụ tại	Số Giấy NSH*,	Địa chỉ trụ sở	Thời điểm bắt	Thời điểm	Lý do
-----	---------------------	-----------	-------------	---------------	----------------	---------------	-----------	-------

1015  
NG  
PH  
THO  
LONG  
AN



	<b>nhân</b>	<b>giao dịch chứng khoán (nếu có)</b>	<b>công ty (nếu có)</b>	<b>ngày cấp, nơi cấp NSH</b>	<b>chính/ Địa chỉ liên hệ</b>	<b>đầu là người có liên quan</b>	<b>không còn là người có liên quan</b>	
01	Phạm Quốc Thắng		Chủ tịch HĐQT	<b>300394695</b>	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
02	Võ Trung Cang		Thành viên HĐQT	<b>301021668</b>	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
03	Nguyễn Bảo Tùng		Thành viên HĐQT	<b>300845695</b>	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		
04	Ngô Đức Vũ		Thành viên HĐQT	<b>024076000009</b>	Phòng P1.15-16, Park, 208 Nguyễn Hữu Cánh, Q Bình Thạnh, TPHCM	23/4/2018		
05	Lê Tuấn		Thành viên HĐQT	<b>012437791</b>	P3 Nhà G, tập thể UBCK, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	23/4/2018		Hết nhiệm kỳ từ 26/4/2019
06	Lều Mạnh Huy		Thành viên HĐQT	<b>033085001969</b>	Liên Phường, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên	26/4/2019		
07	Võ Minh Thái		Trưởng BKS	<b>300310498</b>	250 Hùng Vương, P4,	26/9/2013		

H. L. S. N. N. U. O. C. A. N.

					TPTA, Long An			
08	Phan Thùy Giang		Thành viên BKS	013024059	Phòng 2909 V3, Khu Homecity, Tổ 45 phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	23/4/2018		
09	Trương Thị Lệ Khanh		Thành viên BKS	301735701	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	23/4/2018		
10d	Nguyễn Quốc Phong		Kế toán trưởng	311452927	250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An	26/9/2013		

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
	Không có							



3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát

Stt	Người	Quan	Chức	Số	Địa	Tên	Thời	Số	Ghi
-----	-------	------	------	----	-----	-----	------	----	-----

	thực hiện giao dịch	hệ với người nội bộ	vụ tại CTNY	CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	chỉ	công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	điểm giao dịch	lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	chú
	Không có								

#### 4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo) không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)

##### 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú



1	(Tên người nội bộ/							
	Tên người có liên quan của người nội bộ/							
	...							
2		Không có						

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết**

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
	Không có						

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có *luh*



CHỦ TỊCH HĐQT

**Phạm Quốc Thắng**



Phụ lục đính kèm của Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẬP THOÁT NƯỚC LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Long An, ngày 9 tháng 03 năm 2020

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan :

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan (phụ lục kèm theo)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMN D/ BKK D	Ngày cấp CMN D/ BKK D	Nơi cấp CMND/ BKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
01	UBND Long An Tỉnh						61 Nguyễn Huệ, P1, TP.TA, Long An	7.320.000	60%	
02	Phạm Quốc Thăng		CT HDQT	30039 4695	15/2/2 006	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TP.TA, Long An	2.700	0,022	Đại diện UBND Tỉnh, năm giữ 4.636.000 chiếm 38%
	Trương Thị Thu Hương		Vợ	30045 8390	19/11/ 2004	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TP.TA, Long An	1.482	0,012	
	Phạm Trương Nhật Phương		Con ruột	30131 2026	19/11/ 2004	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TP.TA, Long An			
	Phạm Trương Tuyết Phương		Con ruột	30166 7383	23/7/2 014	CA Long An	39 Trương Văn Bang, P2, TP.TA, Long An			
	Phạm Văn Điền		Cha ruột	30039 4498	26/9/2 005	CA Long An	Ấp 4, xã Nhi Thành, Thủ Thừa, Long An			

	Dương Thị Phe		Mẹ ruột	30039	23/9/2005	CA Long An	Ấp 4, xã Nhị Thành, Thù Thù, Long An			
	Phạm Quốc Tuấn		Em ruột	30051	23/9/2005	CA Long An	Ấp 4, xã Nhị Thành, Thù Thù, Long An			
	Phạm Thị Ngọc Thúy		Em ruột	30068	28/9/2005	CA Long An	Ấp 4, xã Nhị Thành, Thù Thù, Long An			
	Phạm Quốc Trần		Em ruột	30068	17/7/2000	CA Long An	92/1 Trần Phong Sắc, P4, TP.TA, Long An			
03	Võ Trung Cang		TV HDQT - Phó TGD	30102	02/01/2013	CA Long An	Ấp 1 Xã Bình Tâm, TP.TA, Long An	3.100	0,025	Đại diện UBND Tỉnh Long An, năm giữ 2.684.000 chiếm 22%
	Nguyễn Thị Thức		Vợ	30047	14/4/2004	CA Long An	Ấp 1 Xã Bình Tâm, TP.TA, Long An			
	Võ Kim Thanh		Con	30144		CA Long An	Ấp 1 Xã Bình Tâm, TP.TA, Long An			
	Võ Kim Phụng		Chị ruột	32001	20/9/2005	CA Bến Tre	115B Đường Ngô Quyền, P3, Tỉnh Bến Tre			
	Võ Kim Liên		Chị ruột	12DF7	30/11/2012 - 29/11/2022		Định cư ở Pháp			
	Võ Trung Trục		Anh ruột	36175	11/3/2008	CA Cần Thơ	43/105 Đường 3/2, TP Cần Thơ			
	Võ Trung Chánh		Anh ruột	30096	18/6/2012	CA Long An	278/14 Châu Thị Kim, P7, TP.TA, Long An			
	Võ Kim Cương		Em ruột	32052	20/9/2005	CA Bến Tre	115A Đường Ngô Quyền, P3, Tỉnh Bến Tre			
04	Nguyễn Bảo Tùng		TV.HD QT	30084	14/6/2006	CA Long An	Ấp 5, xã Lương Bình, Bến Lức, Long An	1.100	0,009	
	Nguyễn Minh Châu		Cha ruột	30014	18/2/2008	CA Long An	Ấp 5, xã Lương Bình, Bến Lức, Long An			
	Nguyễn Thị Ni		Mẹ ruột	30014	3/10/2008	CA Long An	Ấp 5, xã Lương Bình, Bến Lức, Long An			
	Lê Ngọc Lan		Vợ	28064	16/11/2022	CA Bình	14 Tổ 2, ấp Chánh Lộc 1,			



	Thảo			8761	2008	Dương	xã Chánh Mỹ, TDM, Bình Dương		
	Nguyễn Bảo Tương	Con ruột				Còn nhỏ	14 Tổ 2, ấp Chánh Lộc 1, xã Chánh Mỹ, TDM, Bình Dương		
	Nguyễn Bảo Tín	Con ruột				Còn nhỏ	14 Tổ 2, ấp Chánh Lộc 1, xã Chánh Mỹ, TDM, Bình Dương		
05	Ngô Đức Vũ	TV HDQT	02407 60000 09	31/01/ 2013	Cục QLHC	CS	Phòng P1.15-16, Park1, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, Q Bình Thạnh, TPHCM		
	Ngô Đức Dương	Cha ruột	02404 50000 01	12/10/ 2012	Cục QLHC	CS			
	Đinh Thị Phí	Mẹ ruột	04015 00000 13	29/11/ 2013	Cục QLHC	CS			
	Ngô Thị Thanh Vân	Chị ruột	02417 40000 78	29/11/ 2013	Cục QLHC	CS			
	Ngô Đức Giang	Em ruột	01202 7149	20/8/2 011	CA Hà Nội				
	Nguyễn Thùy Dung	Vợ	03817 30024 69	28/2/2 017	Cục CS và DLQG và dân cư	Phòng P1.15-16, Park1, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, Q Bình Thạnh, TPHCM			
	Ngô Việt Bảo	Con				Phòng P1.15-16, Park1, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, Q Bình Thạnh, TPHCM			
	Ngô Việt Thi	Con	Còn nhỏ			Phòng P1.15-16, Park1, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, Q Bình Thạnh, TPHCM			
06	Lê Tuấn	TV HDQT	01243 7791	16/6/2 013	CA Hà Nội	P3 Nhà G, tập thể UBCK, Phường Công Vi, Quận Ba Đình, TP HN			Hết nhiệm kỳ từ 26/4/2019
	Lê Thúc Dục	Cha	01179	1/9/20	CA Hà Nội				

			ruột	8983	08							
	Nguyễn Thị Thanh Hà		Mẹ ruột	01169 9413	4/8/20 03	CA Hà Nội						
	Hà Phương Lê		Vợ	01229 6579	6/11/2 010	CA Hà Nội	P3 Nhà G, tập thể UBCK, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP HN					
	Lê Tuấn Phong		Con ruột	Còn nhỏ			P3 Nhà G, tập thể UBCK, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP HN					
	Lê Tuấn Minh		Con ruột	Còn nhỏ								
07	Lê Mạnh Huy		Thành viên HĐQT	03308 50019 69	18/7/2 016	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phường liên, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên					Tham gia nhiệm kỳ mới từ 26/4/2019
	Lê Mạnh Hùng		Cha ruột	03305 60006 75	18/5/2 016	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phường liên, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên					
	Phạm Kim Dung		Mẹ ruột	03315 80008 35	18/5/2 016	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phường liên, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên					
	Lê Thị Thu Trang		E ruột	14536 2134	20/5/2 008	Công an Hưng Yên	Phường liên, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên					
	Nguyễn Minh Ngọc		Vợ	07918 80087 80	7/02/2 018	Cục cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư						
	Lê Mạnh Đức		Con	Còn nhỏ								
09	Công ty Cổ phần Dầu tư ngành nước						Tầng 4, tòa nhà Viettel, lô 4A đường Hoàng Văn Thụ, phường Xương	4.532.440	37,15			



	DNP									
10	Võ Minh Thái		Trưởng BKS	300310498	13/02/06	Công An tỉnh Long An	Giang tỉnh Bắc Giang			
	Hà Thị Mới	-	vợ	300968201	13/04/09	Công An tỉnh Long An	Số 18, đường Nguyễn Thanh Cấn, phường 2, TPTA, tỉnh Long An	2.500	0,020	
	Võ Hà Nhật Ái	-	Con ruột	301510241	16/11/09	Công An tỉnh Long An	Số 18, đường Nguyễn Thanh Cấn, phường 2, TPTA, tỉnh Long An			
	Võ Thái Nhật Hoàng	-	Con ruột	301667414	23/07/14	Công An tỉnh Long An	Số 18, đường Nguyễn Thanh Cấn, phường 2, TPTA, tỉnh Long An			
	Võ Văn Tông	-	Cha ruột	301373897	28/07/06	Công An tỉnh Long An	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
	Võ Văn Bé	-	Anh ruột	300310853	10/10/11	Công An tỉnh Long An	Số 90/8, ấp 8, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
	Võ Thị Bé	-	Chị ruột	300019935	09/06/04	Công An tỉnh Long An	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
	Võ Bá Dương	-	Anh ruột	300187592	04/01/91	Công An tỉnh Long An	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			



	Võ Thành Nhân	-	Anh ruột	30031 0860	07/06/ 01	Công An tỉnh Long An	Số 327/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
	Võ Thị Huỳnh Mai	-	Chị ruột	30031 0804	28/05/ 04	Công An tỉnh Long An	Số 195/1, ấp 1, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An			
	Võ Thị Châu Toàn	-	Em ruột	30057 0276	22/10/ 11	Công An tỉnh Long An	Số 257, đường Nguyễn Văn Rành, phường 7, TP.TA, tỉnh Long An			
13	Phan Thùy Giang		TVBK S	01302 4059	19/11/ 2007	CA Hà Nội	Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội			
	Phan Tất Trình		Cha ruột	Đã mất						
	Phan Thị Tố Nga		Mẹ ruột	18149 3613	9/10/1 997	CA Nghệ An				
	Phan Chí Hiếu		Anh ruột	18186 0711	11/12/ 2013	CA Nghệ An				
	Phan Thị Thảo		Chị ruột	18217 8894	01/01/ 2013	CA Nghệ An				
	Nguyễn Thu Viết		Chồng	01182 1252	19/11/ 2007	CA Nghệ An	Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội			
	Nguyễn Trung Khai Viết		Con	Còn nhỏ			Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội			
	Nguyễn Phan Uyên Phương		Con	Còn nhỏ			Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Hà Nội			

14	Trương Thị Lệ Khanh		TV BKS	30173 5701	26/7/2 016	CA Long An	Bắc	Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội	1.900	
	Trương Văn Khang		Cha ruột	12091 6023	16/04/ 2015	CA Giang	Bắc	221 Đường Thánh Thiện, P Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang		
	Nguyễn Thị Lại		Mẹ ruột	12229 0448	16/04/ 2015	CA Giang	Bắc	221 Đường Thánh Thiện, P Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang		
	Trương Thị Oanh		Chị ruột	12157 9099	6/11/2 002	CA Giang	Bắc	221 Đường Thánh Thiện Phường Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang		
	Trương Thị Huyền Trang		Em ruột	12186 8017	14/03/ 2006	CA Giang	Bắc	221 Đường Thánh Thiện, P Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang		
15	Nguyễn Quốc Phong		Kế toán trưởng	31145 2927	22/7/2 004	CA Giang	Tiền	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiền Giang	4.100	
	Nguyễn Văn Quan		Cha ruột	31044 1078		CA Giang	Tiền	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiền Giang		
	Cao Thị Tiên		Mẹ ruột	31044 1082		CA Giang	Tiền	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiền Giang		
	Nguyễn Quốc Hùng		Anh ruột	30131 1000		CA Long An		191/1 Nguyễn Minh Đường, P4, TP.TA, LA		
	Nguyễn Quốc Vũ		Anh ruột	31090 8663		CA Giang	Tiền	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiền Giang		
	Nguyễn Thị Kim Cúc		Vợ	30104 5128		CA Long An		1557 P. Khánh Hậu, TP.TA, Long An		
	Nguyễn Hoàng Diên Khánh		Con ruột			Còn nhỏ		1557 P. Khánh Hậu, TP.TA, Long An		
	Nguyễn Minh Khôi		Con ruột			Còn nhỏ		1557 P. Khánh Hậu, TP.TA, Long An		



Phạm Quốc Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

### BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Trung Cang	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên
Ông Lê Tuấn	Thành viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Trung Cang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Phó Tổng Giám đốc

##### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Quốc Thắng, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

1001  
ÔNG  
Ồ P  
THOÁ  
NG  
AN-T



Số: 016 /VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 02/3/2020, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

**Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Chữ Mạnh Hoàn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2018-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 02 tháng 3 năm 2020



**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

684  
HI NH  
PHO  
CON  
NHIE  
KIEM  
VA  
VH-  
M.S.D.N  
C.T.C.P  
M



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>35.298.702.156</b>	<b>45.963.587.074</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.834.940.393</b>	<b>14.457.945.166</b>
1. Tiền	111		4.531.712.723	10.999.448.473
2. Các khoản tương đương tiền	112		303.227.670	3.458.496.693
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.419.763.182</b>	<b>4.007.904.853</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.914.127.827	1.940.609.187
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		340.955.902	988.905.146
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.164.679.453	1.078.390.520
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>22.008.176.577</b>	<b>23.227.767.736</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.008.176.577	23.227.767.736
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.035.822.004</b>	<b>4.269.969.319</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.672.289.614
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.035.822.004	1.597.679.705
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>272.198.143.278</b>	<b>242.896.815.842</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>253.652.524.197</b>	<b>231.422.797.896</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	251.986.855.885	229.837.638.483
- Nguyên giá	222		486.315.493.463	437.410.322.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.328.637.578)	(207.572.684.219)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.665.668.312	1.585.159.413
- Nguyên giá	228		2.041.741.000	1.891.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(376.072.688)	(306.581.587)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.959.297.256</b>	<b>2.139.163.796</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.959.297.256	2.139.163.796
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>695.189.650</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	695.189.650
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.586.321.825</b>	<b>8.639.664.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15.586.321.825	8.639.664.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>307.496.845.434</b>	<b>288.860.402.916</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>144.196.135.822</b>	<b>130.721.057.767</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>77.342.773.984</b>	<b>51.937.695.929</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	38.715.584.701	18.398.269.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.117.909.178	483.056.348
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	1.719.168.833	662.446.772
4. Phải trả người lao động	314		1.895.422.865	5.318.363.108
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		739.000.000	813.035.416
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	17.474.197.448	10.977.208.082
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	16	10.880.000.000	10.880.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.801.490.959	4.405.317.083
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.853.361.838</b>	<b>78.783.361.838</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	1.299.285.000	2.349.285.000
2. Vay và nợ dài hạn	338	16	65.554.076.838	76.434.076.838
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>163.300.709.612</b>	<b>158.139.345.149</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>163.300.709.612</b>	<b>158.139.345.149</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.300.709.612	36.139.345.149
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>307.496.845.434</b>	<b>288.860.402.916</b>



Phạm Quốc Thắng  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Quốc Phong  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
 Người lập biểu

Long An, ngày 02 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	167.747.475.726	147.925.072.369
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		167.747.475.726	147.925.072.369
3. Giá vốn hàng bán	11	20	110.707.476.089	85.723.441.651
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.039.999.637	62.201.630.718
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		37.897.898	473.943.408
6. Chi phí tài chính	22	22	4.511.710.961	5.110.170.259
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.511.710.961	5.110.170.259
7. Chi phí bán hàng	25	23	9.017.694.053	9.752.312.379
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	15.062.821.394	15.145.751.470
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		28.485.671.127	32.667.340.018
10. Thu nhập khác	31		780.319.315	528.756.289
11. Chi phí khác	32		189.133.067	230.510.987
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		591.186.248	298.245.302
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.076.857.375	32.965.585.320
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	3.216.035.058	6.177.379.889
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		25.860.822.317	26.788.205.431
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.697	1.803



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Long An, ngày 02 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	29.076.857.375	32.965.585.320
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	26.825.444.460	26.298.791.302
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	32.380.404	(473.943.408)
- Chi phí lãi vay	6	4.511.710.961	5.110.170.259
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu	8	60.446.393.200	63.900.603.473
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(2.850.000.628)	(3.749.421.445)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(17.111.204.939)	(18.500.306.936)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.212.018.825	11.382.950.893
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(4.274.367.711)	(8.214.350.769)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.585.746.377)	(5.201.265.825)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.121.013.086)	(7.749.756.552)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.819.190.587)	(4.404.686.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>26.896.888.697</b>	<b>27.463.766.839</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.788.402.698)	(16.530.367.291)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	695.189.650	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.897.898	473.943.408
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(16.055.315.150)</b>	<b>(16.056.423.883)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.880.000.000)	(10.630.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.584.578.320)	(7.424.015.160)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(20.464.578.320)</b>	<b>(18.054.015.160)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	<b>(9.623.004.773)</b>	<b>(6.646.672.204)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>14.457.945.166</b>	<b>21.104.617.370</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	70	<b>4.834.940.393</b>	<b>14.457.945.166</b>



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Long An, ngày 02 tháng 3 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 05 ngày 30/6/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2019 là 134 người (tại ngày 01/01/2019 là 147 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống thoát nước;
- Thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Dịch vụ khoan giếng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.

b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Công cụ tài chính (tiếp theo)

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 45
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

56-  
NHÀ  
HỒ  
NG T  
ÊM I  
4 TO  
ACI  
+T.F  
500 - C  
CÔNG TY  
CẤP TH  
NƯỚC  
LONG AN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm, phân bổ theo năm, phân bổ lần đầu tiên kể từ năm phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

#### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.





## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	411.982.255	551.644.018
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.119.730.468	10.447.804.455
Các khoản tương đương tiền	303.227.670	3.458.496.693
<b>Cộng</b>	<b><u>4.834.940.393</u></b>	<b><u>14.457.945.166</u></b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Khách hàng cung cấp nước	431.119.991	1.128.072.590
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An	785.482.600	-
Khách hàng khác	1.697.525.236	812.536.597
<b>Cộng</b>	<b><u>2.914.127.827</u></b>	<b><u>1.940.609.187</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b><u>2.164.679.453</u></b>	-	<b><u>1.078.390.520</u></b>	-
Tạm ứng	1.046.831.000	-	605.020.000	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	874.972.959	-	321.094.733	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	237.815.494	-	152.275.787	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.060.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.164.679.453</u></b>	-	<b><u>1.078.390.520</u></b>	-

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.164.580.688	-	23.227.767.736	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	843.595.889	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>22.008.176.577</u></b>	-	<b><u>23.227.767.736</u></b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	276.696.170	3.216.035.058	2.121.013.086	1.371.718.142
Thuế thu nhập cá nhân	11.970.069	1.656.806.997	1.597.622.908	71.154.158
Thuế tài nguyên	373.780.533	4.154.877.599	4.252.361.599	276.296.533
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>662.446.772</b>	<b>9.032.719.654</b>	<b>7.975.997.593</b>	<b>1.719.168.833</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	211.020.038.039	32.086.048.482	192.945.712.880	1.358.523.301	437.410.322.702
- Mua trong năm	246.879.909	301.538.627	628.084.359	98.040.000	1.274.542.895
- Đầu tư XDCB hoàn thành	963.038.182	1.799.363.637	44.805.009.699	186.363.636	47.753.775.154
- Giảm do hư hỏng	-	(123.147.288)	-	-	(123.147.288)
Số cuối năm	212.229.956.130	34.063.803.458	238.378.806.938	1.642.926.937	486.315.493.463
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	115.466.225.803	19.710.446.576	71.586.604.223	809.407.617	207.572.684.219
- Khấu hao trong năm	11.679.761.678	3.310.408.027	11.617.112.937	201.539.703	26.808.822.345
- Giảm do hư hỏng	-	(52.868.986)	-	-	(52.868.986)
Số cuối năm	127.145.987.481	22.967.985.617	83.203.717.160	1.010.947.320	234.328.637.578
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	95.553.812.236	12.375.601.906	121.359.108.657	549.115.684	229.837.638.483
Số cuối năm	85.083.968.649	11.095.817.841	155.175.089.778	631.979.617	251.986.855.885

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 46.958.552.031 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 34.941.207.770 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 17) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 58.482.452.207 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 58.482.452.207 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>TSCĐ vô hình khác</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu năm (trình bày lại)	1.477.835.000	375.106.000	38.800.000	1.891.741.000
- Mua trong năm	-	150.000.000	-	150.000.000
Số cuối năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số đầu năm (trình bày lại)	-	275.541.571	31.040.016	306.581.587
- Khấu hao trong năm	-	61.731.117	7.759.984	69.491.101
Số cuối năm	-	337.272.688	38.800.000	376.072.688
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu năm (trình bày lại)	1.477.835.000	99.564.429	7.759.984	1.585.159.413
Số cuối năm	1.477.835.000	187.833.312	-	1.665.668.312

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất cho các khu đất tại: 292m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 907 thuộc phường Tân Khánh – Tân An – Long An; 239m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 306 thuộc phường 4 – Tân An – Long An và 152m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 410, 411 thuộc phường 4 – Tân An – Long An đều là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 38.800.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 0 VND).

**11. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Công trình: Huỳnh Châu Sở, Khánh Hậu (Giai đoạn 1)	1.221.528.731	-
Công trình: Tuyến ống D500 lấy nước từ NMN Nhị Thành - bể chứa XNCN Gò Đen	642.578.199	-
Công trình Tuyến ống cấp nước truyền tải D315 từ Nhà máy nước Bình Ảnh đến cầu Ván	-	1.341.071.330
Thẩm tra dự toán khảo sát xây dựng Công trình tuyến ống cấp 2 từ Nhà máy Nhị Thành cấp cho Bến Lức, Cần Đước	-	244.400.000
Công trình khác	1.095.190.326	553.692.466
<b>Cộng</b>	<u>2.959.297.256</u>	<u>2.139.163.796</u>

Tình hình biến động tài sản dở dang dài hạn trong năm:

Số đầu năm	2.139.163.796
Tăng trong năm	48.573.908.614
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	(47.753.775.154)
Số cuối năm	<u>2.959.297.256</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 35/NQCN-HĐQT ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc Công ty không tiếp tục thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Nước DNP Long An, trong tháng 3/2019, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền đã góp ban đầu.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thương mại NTP	1.719.393.000	1.719.393.000	5.646.036.000	5.646.036.000
Công ty CP Tập Đoàn Đức Tường	8.275.305.845	8.275.305.845	1.476.007.978	1.476.007.978
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An	4.613.566.600	4.613.566.600	-	-
Phải trả người bán khác	24.107.319.256	24.107.319.256	11.276.225.142	11.276.225.142
<b>Cộng</b>	<b>38.715.584.701</b>	<b>38.715.584.701</b>	<b>18.398.269.120</b>	<b>18.398.269.120</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đây là khoản trích trước chi phí lãi vay.

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>17.474.197.448</b>	<b>10.977.208.082</b>
Phải trả cổ tức cho bên liên quan	15.498.937.167	9.599.422.096
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan	1.400.000.000	350.000.000
Phải trả phí bảo vệ môi trường	567.366.781	1.027.785.986
Phải trả ngắn hạn khác	7.893.500	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.299.285.000</b>	<b>2.349.285.000</b>
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan	1.299.285.000	2.349.285.000
<b>Cộng</b>	<b>18.773.482.448</b>	<b>13.326.493.082</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>10.880.000.000</b>	<b>10.880.000.000</b>	<b>10.880.000.000</b>	<b>10.880.000.000</b>	<b>10.880.000.000</b>	<b>10.880.000.000</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An	4.450.000.000	4.450.000.000	4.450.000.000	4.450.000.000	4.450.000.000	4.450.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>65.554.076.838</b>	<b>65.554.076.838</b>	<b>10.880.000.000</b>	<b>-</b>	<b>76.434.076.838</b>	<b>76.434.076.838</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	51.468.076.838	51.468.076.838	6.430.000.000	-	57.898.076.838	57.898.076.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (ii)	14.086.000.000	14.086.000.000	4.450.000.000	-	18.536.000.000	18.536.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.434.076.838</b>	<b>76.434.076.838</b>	<b>21.760.000.000</b>	<b>10.880.000.000</b>	<b>87.314.076.838</b>	<b>87.314.076.838</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo hợp đồng vay số 01/TDNN.2004 ngày 22/3/2004, phụ lục số 01PL/TDNN.2006 ngày 31/3/2006, phụ lục số 02PL/TDNN.2007 ngày 12/7/2007 và phụ lục số 03/2010/HĐODA-NHPTVN năm 2010, hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 5 số 10/2016/HĐODASĐBS-NHPT ngày 16/02/2016, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch. Tại ngày 31/12/2019 giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 57.898.076.838 VND.
- (ii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển theo:
- Phụ lục hợp đồng vay số 03/PL.HĐTD.2015 ngày 03/4/2015 cho Hợp đồng vay số 16/2014.HĐTD ngày 08/10/2014 với số tiền vay hạn mức là 4.328.000.000 đồng, với mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/HDTCTS-QDTPT ngày 08/10/2014. Tại ngày 31/12/2019, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 1.834.000.000 VND.
  - Hợp đồng vay số 14/2015.HĐTD ngày 26/6/2015 với số tiền vay hạn mức là 21.000.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng giảm thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư. Tại ngày 31/12/2019, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 12.000.000.000 VND.
  - Hợp đồng vay số 05/2017.HĐTD ngày 10/03/2017 với số tiền vay hạn mức là 8.000.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 1 của dự án Tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã 3 cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư. Tại ngày 31/12/2019, giá trị khoản vay gốc cho hợp đồng vay này là 5.152.000.000 VND.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả trong một năm	10.880.000.000	10.880.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	39.654.000.000	42.304.000.000
Sau năm năm	<u>25.900.076.838</u>	<u>34.130.076.838</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>76.434.076.838</u></b>	<b><u>87.314.076.838</u></b>
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.880.000.000	10.880.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u><u>65.554.076.838</u></u></b>	<b><u><u>76.434.076.838</u></u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>26.790.218.300</b>	-	<b>148.790.218.300</b>
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	26.788.205.431	26.788.205.431
Giảm trong năm	-	(244.000.000)	(2.742.388.308)	(2.986.388.308)
Trích quỹ trong năm	-	9.593.126.849	(14.389.690.274)	(4.796.563.425)
Trích cổ tức trong năm	-	-	(9.593.126.849)	(9.593.126.849)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>36.139.345.149</b>	-	<b>158.139.345.149</b>
Lãi /(lỗ) trong năm	-	-	25.860.822.317	25.860.822.317
Trích quỹ trong năm (i)	-	5.161.364.463	(10.322.728.926)	(5.161.364.463)
Trích cổ tức trong năm (i)	-	-	(15.484.093.391)	(15.484.093.391)
Thù lao HĐQT và BKS (i)	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>41.300.709.612</b>	-	<b>163.300.709.612</b>

(i) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Tờ trình số 132/TT-KTTV ngày 21/02/2020 của chủ tịch Hội đồng Quản trị, cụ thể:

- Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: 54.000.000 VND;
- Chia cổ tức năm 2019: 15.484.093.391 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5.161.364.463 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 5.161.364.463 VND.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	60,0%	73.200.000.000	60,0%
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	-	0,0%	15.048.495.000	12,3%
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	45.324.400.000	37,2%	30.275.905.000	24,8%
Cổ đông khác	3.475.600.000	2,8%	3.475.600.000	2,8%
<b>Cộng</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Cổ tức thực tế được thanh toán trong năm nay là 9.584.578.320 VND (năm trước là 7.424.015.160 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**19. DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước	155.523.760.489	140.316.597.491
Doanh thu lắp đặt đường ống	11.437.621.055	7.608.474.878
Doanh thu xét nghiệm nước	786.094.182	-
<b>Cộng</b>	<b><u>167.747.475.726</u></b>	<b><u>147.925.072.369</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước	103.102.466.115	79.944.680.126
Giá vốn lắp đặt đường ống	7.605.009.974	5.778.761.525
<b>Cộng</b>	<b><u>110.707.476.089</u></b>	<b><u>85.723.441.651</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.152.398.823	24.058.547.850
Chi phí nhân công	31.538.602.086	33.617.264.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.804.974.761	26.294.954.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.591.287.297	7.258.641.045
Chi phí khác	40.544.324.458	19.392.097.601
<b>Cộng</b>	<b><u>135.631.587.425</u></b>	<b><u>110.621.505.500</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.511.710.961	5.110.170.259
<b>Cộng</b>	<b><u>4.511.710.961</u></b>	<b><u>5.110.170.259</u></b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	8.069.220.908	9.360.437.333
Chi phí đồ dùng văn phòng	292.626.517	180.442.696
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	147.606.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.121.993	167.394.553
Thuế, phí, lệ phí	-	10.995.701
Các khoản chi phí QLDN khác	6.515.851.976	5.278.874.545
<b>Cộng</b>	<b>15.062.821.394</b>	<b>15.145.751.470</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	6.125.832.311	7.045.154.689
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.891.861.742	2.707.157.690
<b>Cộng</b>	<b>9.017.694.053</b>	<b>9.752.312.379</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi tiết phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	29.076.857.375	32.965.585.320
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	151.002.727	99.100.000
Trừ: lợi nhuận ghi nhận theo Biên bản kiểm tra năm 2017 của Kiểm toán Nhà nước	-	(2.177.785.874)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>29.227.860.102</b>	<b>30.886.899.446</b>
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 20%	2.932.490.474	30.886.899.446
Thu nhập chịu thuế chịu thuế suất 10%	26.295.369.628	-
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.216.035.058</b>	<b>6.177.379.889</b>

Theo Công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định tại khoản 3, điều 19, thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động. Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xã hội hóa, mức thuế suất này được công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016.

Theo Thông báo kết quả kiểm toán số 641/TB-KVIV ngày 14 tháng 9 năm 2018 của kiểm toán Nhà nước, Công ty không thuộc đối tượng được ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%, do vậy cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Công ty đã tạm thời xác định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2018 là 20% (mức thuế suất phổ thông).

Trong năm 2019, Công ty đã và đang tiếp tục làm việc với cơ quan có thẩm quyền về ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, trên cơ sở đó, Công ty đã xác định lại mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được áp dụng là 10%. Cho nên, trong báo cáo tài chính này, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo mức thuế suất 10%.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	25.860.822.317	26.788.205.431
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	5.161.364.463	4.796.563.425
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>20.699.457.854</b>	<b>21.991.642.006</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.697	1.803
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	76.434.076.838	87.314.076.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.834.940.393	14.457.945.166
Nợ thuần	71.599.136.445	72.856.131.672
Vốn chủ sở hữu	163.300.709.612	158.139.345.149
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,44</b>	<b>0,46</b>

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

0150  
 VG T  
 PH  
 HOÁT  
 ONG  
 AN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.834.940.393	14.457.945.166	4.834.940.393	14.457.945.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.031.976.280	2.413.979.707	4.031.976.280	2.413.979.707
Đầu tư tài chính dài hạn	-	695.189.650	-	695.189.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.866.916.673</b>	<b>17.567.114.523</b>	<b>8.866.916.673</b>	<b>17.567.114.523</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	76.434.076.838	87.314.076.838	76.434.076.838	87.314.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	57.489.067.149	31.724.762.202	57.489.067.149	31.724.762.202
Chi phí phải trả	739.000.000	813.035.416	739.000.000	813.035.416
<b>Tổng cộng</b>	<b>134.662.143.987</b>	<b>119.851.874.456</b>	<b>134.662.143.987</b>	<b>119.851.874.456</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

548  
CHI  
H PH  
CỘ  
H NH  
KIỂM  
VA  
NH-

Y  
IN  
NƯỚC  
AN  
I. LONG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.834.940.393	-	-	4.834.940.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.031.976.280	-	-	4.031.976.280
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.866.916.673</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.866.916.673</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	10.880.000.000	39.654.000.000	25.900.076.838	76.434.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	56.189.782.149	1.299.285.000	-	57.489.067.149
Chi phí phải trả	739.000.000	-	-	739.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>67.808.782.149</b>	<b>40.953.285.000</b>	<b>25.900.076.838</b>	<b>134.662.143.987</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(58.941.865.476)</b>	<b>(40.953.285.000)</b>	<b>(25.900.076.838)</b>	<b>(125.795.227.314)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.457.945.166	-	-	14.457.945.166
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.413.979.707	-	-	2.413.979.707
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	695.189.650	695.189.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.871.924.873</b>	<b>-</b>	<b>695.189.650</b>	<b>17.567.114.523</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	10.880.000.000	42.304.000.000	34.130.076.838	87.314.076.838
Phải trả người bán và phải trả khác	29.375.477.202	2.349.285.000	-	31.724.762.202
Chi phí phải trả	813.035.416	-	-	813.035.416
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.068.512.618</b>	<b>44.653.285.000</b>	<b>34.130.076.838</b>	<b>119.851.874.456</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(24.196.587.745)</b>	<b>(44.653.285.000)</b>	<b>(33.434.887.188)</b>	<b>(102.284.759.933)</b>

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh, đồng thời Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng đang lên kế hoạch thanh toán chi tiết để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

58-002  
HÀNH  
HỒ CHỨ  
G TY  
M HỮU  
TOÁN  
CO  
PHỐC

M.S.D.N: 1100101500  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT N  
LONG AN  
TP. TÂN AN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trọng yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
UBND tỉnh Long An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Cổ đông lớn
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	

Ngoài các số dư với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 13, 15; trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

**Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lương, thưởng	1.070.136.000	1.339.200.000
Thù lao Hội đồng quản trị	210.000.000	210.000.000

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>UBND tỉnh Long An</b>		
Nhận cổ tức	5.750.520.000	4.538.400.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP</b>		
Nhận cổ tức	1.877.012.800	1.877.012.800

**28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 13.415.113.454 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả. Ngoài ra, tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm cũng không bao gồm 18.330.796.098 VND, là giá trị kết chuyển từ hàng tồn kho vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm, do đó một giá trị tương ứng cũng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm hàng tồn kho.



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Long An, ngày 02 tháng 3 năm 2020

